TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:111/2023/QĐST-HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 31 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Mai H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ dân phố TL, phường HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ dân phố TC, phường TP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 1/35/59 ĐTM-QAn-THồ-HN.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,59,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Hà Thị Mai H và ông Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Mai H và ông Nguyễn Văn B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà H, ông B đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Đức H, sinh 1984.

Bà H,ông B đều xác định con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà H, ông B, anh Hạnh nhất trí thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận như sau:

Giao cho anh Nguyễn Đức H được toàn quyền sử dụng: Thửa đất 826, tờ bản đồ 104, diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 290 m^2 đất Thổ cư vị trí thửa đất tại: Tổ dân phố TL, phường HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B783452 do Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phổ Yên cấp ngày 21/6/1993 mang tên ông Nguyễn Ngọc B; Thửa đất số 349, tờ bản đồ số 8 diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 349 m^2, mục đích sử dụng CLN; thửa đất 307, tờ bản đồ số 8 diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 307 m^2, mục đích sử dụng NTS. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM080786 do Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thành phố) PY cấp ngày 07/02/2013 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Hà Thị Mai H.

Giao cho anh Nguyễn Đức H được quyền sử dụng sở hữu: 01 nhà 02 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, diện tích sàn 40 m^2, tổng diện tích sàn 80 m^2 (phần mái đổ mái bằng, phần trên có lợp tôn trống nắng). Toàn bộ công trình được xây dựng trên thửa đất Thửa đất 826, tờ bản đồ 104 vị trí thửa đất tại: Tổ dân phố TL, phường HT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bà H, ông B, anh H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn B, bà Hà Thị Mai H cho anh Nguyễn Đức H.

Những tài sản khác bà H, ông B tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Bà H, ông B đều xác định trong quá trình chung sống ông bà không có nợ chung, các khoản cho vay chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: Bà H, ông B thống nhất thỏa thuận bà H chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PY tại Biên lai thu số 0001544 ngày 14/7/2023. Hoàn trả lại cho bà H 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND phường TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy